

Bản án số: 91/2019/HS-PT
Ngày 06/6/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương V Lộc.

Các Thẩm phán:

Ông Trần V Luông;

Ông Bùi Ngọc Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Nghiêm Đức Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 80/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo Dương Nguyễn Công V. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B.

Họ và tên bị cáo có kháng cáo:

Dương Nguyễn Công V, sinh năm 1993 tại tỉnh Ninh Thuận; nơi thường trú: Khu phố X, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; nơi tạm trú: Nhà trọ N, khu phố X, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Thợ sơn nước; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Dương T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1973; có vợ là Võ Thị Kim T2 và 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra, còn có 01 bị hại, 05 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Nguyễn Công V làm nghề sơn nước. Ngày 08/6/2018, V nhận sơn nước cho công trình xây dựng là nhà của ông Nguyễn Văn D tại khu phố X, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 10 giờ ngày 14/6/2018, V đến cửa hàng D cạnh Quốc lộ X thuộc khu phố X, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương gặp ông Cao Danh H là quản lý cửa hàng hỏi thuê giàn giáo dùng để sơn nước. V và ông H thống nhất làm hợp đồng cho thuê giàn giáo với nội dung: Cửa hàng cho V thuê 20 chân giàn giáo, 10 cây chéo và 08 cái mâm với giá 1.500.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. V không trả tiền thuê trước cho ông H mà đưa giấy chứng minh nhân dân của V để làm tin và hẹn 01 tuần sau sẽ trả tiền thuê, ông H đồng ý. V yêu cầu ông H chở 20 chân giàn giáo, 10 cây chéo và 08 cái mâm đến nhà ông D giao cho V. Sau đó, ông H thuê ông Nguyễn Văn T3 chở giàn giáo đến nhà ông D giao cho V và giao hợp đồng thuê giàn giáo cho ông D ký xác nhận với tư cách là chủ nhà (bảo lãnh).

Quá trình làm sơn nước tại nhà ông D, do trời mưa nên việc sơn nước kéo dài, V không đủ tiền chi trả cho thợ sơn và tiêu xài cá nhân nên nảy sinh ý định thuê thêm giàn giáo của cửa hàng D rồi bán cùng với số lượng giàn giáo thuê ngày 14/6/2018. V lợi dụng sơ hở của cửa hàng D là chỉ cần nơi giao giàn giáo tại một công trình xây dựng và có người ký xác nhận vào hợp đồng thuê với tư cách là chủ nhà (bảo lãnh) thì cửa hàng sẽ cho thuê giàn giáo mà không phải trả tiền thuê trước.

Khoảng 11 giờ ngày 18/6/2018, V điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) đến cửa hàng D thuê thêm 24 chân giàn giáo, 24 cây chéo và 12 cái mâm với giá 1.800.000 đồng trong thời hạn 30 ngày, V và ông H làm hợp đồng thuê giàn giáo giống như ngày 14/6/2018 và V hứa 01 tuần sau trả tiền thuê. V nói dối với ông H giao giàn giáo tại một công trình xây dựng gần đường X, khu phố Y, phường M, thị xã B - là nơi V chuẩn bị làm sơn nước nhưng thực tế đây là một công trình bỏ hoang. Sau đó, ông H thuê ông T3 giao giàn giáo đến địa điểm V hướng dẫn, V dẫn theo một người làm thợ sơn nước tên Nguyễn Văn P (không rõ nhân thân, lai lịch) và nói P ký xác nhận là chủ nhà vào hợp đồng nhưng không nói cho P biết ý định của V. Sau khi ông T3 và P ra về, V thuê xe ba gác chở 24 chân giàn giáo, 24 cây chéo và 12 cái mâm đến các công trình đang xây dựng thuộc khu phố X, phường M, thị xã B và khu phố X, phường C, thị xã B bán cho ông Nguyễn Minh H1 06 chân giàn giáo, 06 cây chéo, 03 cái mâm với giá 750.000 đồng; bán cho ông Dương Văn D 08 chân giàn giáo, 08 cây chéo, 04 cái mâm với giá 1.000.000 đồng; bán cho ông Lâm Quyết T4 10 chân giàn giáo, 10 cây chéo, 05 cái mâm với giá 1.000.000 đồng.

Khoảng 13 giờ ngày 23/6/2018, V tiếp tục đến cửa hàng D thuê 40 chân giàn giáo, 20 cây chéo và 10 cái mâm với giá 3.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày và hẹn đến ngày 28/6/2018 sẽ thanh toán hết tiền thuê 03 lần. Với thủ đoạn như trên,

V chỉ dẫn cho ông T3 chở giàn giáo đến một công trình xây dựng gần đường X, khu phố Y, phường M, thị xã B và nhờ Hồ Chí D1 (không rõ nhân thân, lai lịch) ký xác nhận là chủ nhà vào hợp đồng. Sau đó, V thuê xe ba gác chở 40 chân giàn giáo, 20 cây chéo, 10 cái mâm thuê ngày 23/6/2018 và 20 chân giàn giáo, 10 cây chéo, 08 cái mâm thuê ngày 14/6/2018 đến các công trình đang xây dựng bán cho ông Lê Hoàng T5 30 chân giàn giáo, 15 cây chéo, 08 cái mâm với giá 3.300.000 đồng; bán cho ông Nguyễn Mạnh H1 10 chân giàn giáo, 05 cây chéo, 05 cái mâm với giá 1.250.000 đồng; bán cho ông Lâm Quyết T4 20 chân giàn giáo, 10 cây chéo, 05 cái mâm với giá 2.000.000 đồng.

Ngày 28/6/2018, V không đến thanh toán tiền thuê giàn giáo như đã hẹn, ông H liên lạc với V không được nên yêu cầu ông T3 đi kiểm tra 03 công trình xây dựng thì không thấy số lượng giàn giáo cho thuê ở đây. Ông H tìm xung quanh các công trình xây dựng thì gặp V. H hỏi V số lượng giàn giáo thuê hiện đang ở đâu, V nói đã chuyển đi công trình khác làm, H yêu cầu V dẫn đến công trình đang làm để kiểm tra thì lúc này V thừa nhận đã bán 84 chân giàn giáo, 54 cây chéo và 30 cái mâm đã thuê của cửa hàng. Ông H yêu cầu V bồi thường giá trị giàn giáo theo như hợp đồng thuê, V nói không có tiền bồi thường nên ông H đến Công an phường M trình báo. Sau đó, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 29/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã B tiến hành thu giữ vật chứng: Thu giữ của Nguyễn Mạnh H1: 10 chân giàn giáo, 05 cây chéo, 05 cái mâm; thu giữ của Lâm Quyết T4: 30 chân giàn giáo, 20 cây chéo, 10 cái mâm; thu giữ của Nguyễn Minh H1: 06 chân giàn giáo, 6 cây chéo, 3 cái mâm; thu giữ của Lê Hoàng T5: 30 chân giàn giáo, 15 cây chéo, 8 cái mâm; thu giữ của Dương Văn Đ: 8 chân giàn giáo, 8 cây chéo, 4 cái mâm; thu giữ của Cao Danh H: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Dương Nguyễn Công V.

Ngày 29/6/2018 và 22/11/2018, Dương Nguyễn Công V tự nguyện giao nộp số tiền 6.500.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 03/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản thị xã B xác định:

- 20 chân giàn giáo, 10 cây chéo và 08 cái mâm trị giá 3.480.000 đồng.
- 24 chân giàn giáo, 24 cây chéo và 12 cái mâm trị giá 4.590.000 đồng.
- 40 chân giàn giáo, 20 cây chéo và 10 cái mâm trị giá 6.525.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Dương Nguyễn Công V phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Công V 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2018, bị cáo V có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, lời khai của bị cáo thống nhất với nội dung vụ án đã nêu trên, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 18 và 23/6/2018, bị cáo Dương Nguyễn Công V đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản là 64 chân giàn giáo, 40 cây chèo và 22 cái mâm gắn vào giàn giáo của bị hại Cao Danh H. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt là 11.115.000 đồng.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo có đủ năng lực chịu

trách nhiệm hình sự về tội phạm mà bị cáo đã thực hiện. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt là 14.595.000 đồng là chưa đúng. Vì đối với hành vi thuê giàn giáo vào ngày 14/6/2018, bị cáo V thực hiện việc thuê giàn giáo của bị hại thông qua giao dịch hợp pháp sau đó bị cáo mới chiếm đoạt. Như vậy, hành vi của bị cáo thực hiện vào ngày 14/6/2018 là hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Do giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.480.000 đồng nên không đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại H là 11.115.000 đồng.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Bị cáo cho rằng bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên bị cáo phạm tội nhiều lần nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ này đối với bị cáo. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù có cơ sở xác định tổng giá trị tài sản mà bị cáo lừa đảo chiếm đoạt thấp hơn tổng giá trị tài sản mà Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt. Tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Do đó, không có cơ sở giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin giảm nhẹ hình phạt là phù hợp.

[5]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Dương Nguyễn Công V. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 08 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã B:

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Nguyễn Công V 08 (tám) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Dương Nguyễn Công V phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- Phòng PV 06 - CA tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã B;	2
- VKSND thị xã B;	1
- Chi cục THADS thị xã B;	1
- CQCSĐT - CA thị xã B;	1
- Trại Tạm giam – CA tỉnh BD;	1
- Bị cáo;	1
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu hồ sơ vụ án.	1

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Văn Lộc